

Tiền ăn trưa Ngày 16 Tháng 01 Năm 2025

	Diễn giải	Nhà Trẻ		Mẫu Giáo		Tổng Cộng	
		Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền
	Chênh lệch đầu ngày		4.987		170.657		175.644
	Xuất ăn trong ngày	46		225		271	
	Tiêu chuẩn trong ngày		1.702.000		8.325.000		10.027.000
	Được chi trong ngày		1.706.987		8.495.657		10.202.644
	Đã chi trong ngày		1.691.845		8.410.712		10.102.557
	* xuất kho		300.000		1.450.000	7,00	1.750.000
	Sữa bột Vus-sure Gold A+	1,20	300.000	5,80	1.450.000	7,00	1.750.000
	* Chi chợ		1.391.845		6.960.712		8.352.557
1	Gạo thơm dẻo	2,00	54.600	15,50	423.150	17,50	477.750
2	Dầu ăn 1L	0,00	0	1,00	66.960	1,00	66.960
3	Dầu ăn 0,4L	1,00	32.400	0,00	0	1,00	32.400
4	Nước mắm	0,20	15.768	0,80	63.072	1,00	78.840
5	Đường gói 1kg	0,50	19.425	2,50	97.125	3,00	116.550
6	Muối	0,00	0	1,00	5.500	1,00	5.500
7	Hành tím	0,02	1.365	0,18	12.285	0,20	13.650
8	Tỏi	0,02	1.575	0,18	14.175	0,20	15.750
9	Hành lá	0,02	1.575	0,18	14.175	0,20	15.750
10	Ngò rí	0,02	2.940	0,18	26.460	0,20	29.400
11	Bún tươi	3,00	81.000	13,00	351.000	16,00	432.000
12	Cà chua	0,50	28.875	5,00	288.750	5,50	317.625
13	Cá thu	0,50	141.750	3,00	850.500	3,50	992.250
14	Cải thảo	1,00	36.750	8,00	294.000	9,00	330.750
15	Đậu tibo	0,20	105.000	0,80	420.000	1,00	525.000
16	Nấm linh chi	2,00	42.000	8,00	168.000	10,00	210.000
17	Rau sống các loại	0,02	1.890	0,08	7.560	0,10	9.450
18	Thịt nạc dăm	2,00	388.500	8,00	1.554.000	10,00	1.942.500
19	Thơm gọt	0,50	15.750	2,50	78.750	3,00	94.500
20	Tôm bạc	0,50	131.250	3,00	787.500	3,50	918.750
21	Trứng gà	0,00	0	3,00	22.050	3,00	22.050
22	Bánh flan	46,00	243.432	225,00	1.190.700	271,00	1.434.132
	Gas		46.000		225.000		271.000
	X.ăn LK từ đ.tháng	509		2.429		2.938	
	TC LK từ đ.tháng		18.833.000		89.873.000		108.706.000
	Đã chi 1.kế từ đ.tháng		18.817.857		89.788.055		108.605.913
	Ch. lệch cuối ngày		15.142				100.087

KẾ TOÁN


Phạm Thị Thùy Trang

TRƯỞNG
MẦM NON
24B
NGƯỜI DUYỆT

Phạm Thị Anh Lan